

- GV nêu thêm một số chú ý: Trước khi thực hiện quy đồng mẫu số các phân số, nên rút gọn phân số thành phân số tối giản (nếu có thể)....

- HS lắng nghe

**3. HĐ thực hành:** (18 p)

\* **Mục tiêu:** Thực hiện quy đồng được mẫu số các phân số.

\* **Cách tiến hành:** Cá nhân – Lớp

**Bài 1a, b:** HS năng khiếu làm cả bài.

- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.

- GV chốt đáp án.

- Cùng cố cách QĐMS các phân số.

\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2

- HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp

Đáp án:

a.  $\frac{7}{9}$  và  $\frac{2}{3}$ ; (MSC là 9 vì  $9 : 3 = 3$ )

$\frac{2}{3} = \frac{2x3}{3x3} = \frac{6}{9}$ , giữ nguyên PS  $\frac{7}{9}$

b.  $\frac{4}{10}$  và  $\frac{11}{20}$ ; (MSC là 20 vì  $20:10=2$ );

$\frac{4}{10} = \frac{4x2}{10x2} = \frac{8}{20}$

c.  $\frac{9}{25}$  và 75; (MSC là 75 vì  $75:25=3$ );

$\frac{9}{25} = \frac{9x3}{25x3} = \frac{27}{75}$

**Bài 2a,b:** HS năng khiếu làm cả bài.

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV yêu cầu HS tự làm bài.

- GV chữa bài, sau đó yêu cầu HS đối chéo vở để kiểm tra bài của nhau.

- Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp.

Đáp án

a.  $\frac{4}{7}$  và  $\frac{5}{12}$ ;

$\frac{4}{7} = \frac{4x12}{7x12} = \frac{48}{84}$        $\frac{5}{12} = \frac{5x7}{12x7} = \frac{35}{84}$

b.  $\frac{3}{8}$  và  $\frac{19}{24}$  (MSC là 24 vì  $24: 8 = 3$ )

$\frac{3}{8} = \frac{3x3}{8x3} = \frac{9}{24}$  giữ nguyên PS  $\frac{19}{24}$

- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp

$\frac{5}{6} = \frac{5x4}{6x4} = \frac{20}{24}$ ;  $\frac{9}{8} = \frac{9x3}{8x3} = \frac{27}{24}$

**Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)**

**4. HĐ ứng dụng (1p)**

**5. HĐ sáng tạo (1p)**

- Nắm được các cách quy đồng MS các PS

- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

---



---



---



---



---



---

**TẬP LÀM VĂN**

**TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả đồ vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,...); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.

**2. Kỹ năng**

- HS biết nhận xét và sửa lỗi để có câu văn hay.

**3. Thái độ**

- Giữ gìn, yêu quý đồ vật trong gia đình.

**4. Góp phần phát triển NL:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số tờ giấy ghi lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu ... ý cần chữa chung trước lớp và phiếu thống kê các loại lỗi.

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động:(5p)</b>  - GV dẫn vào bài học	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
<b>2. HĐ thực hành (30p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> Biết rút kinh nghiệm về bài TLV tả đồ vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,...); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV. * <b>Cách tiến hành:</b> Cá nhân- Nhóm - Lớp	
<b>HĐ1: Nhận xét chung:</b> - GV viết lên bảng đề bài đã kiểm tra. + Ưu điểm, khuyết điểm.	- 1 HS đọc lại, lớp lắng nghe.

\* Ưu điểm: Xác định đúng đề bài (tả đồ vật), kiểu bài miêu tả.

+ Bố cục đầy đủ 3 phần; câu văn diễn đạt ý trọn vẹn, có sự liên kết giữa các phần: mở bài, thân bài, kết bài.

\* Khuyết điểm:

+ Một số bài: Câu văn dài, rườm rà, sai lỗi chính tả,

+ Bài viết ít sử dụng các hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Những HS viết bài chưa đạt yêu cầu, GV cho về nhà viết lại.

- GV trả bài cho từng HS.

### **HD2: Chữa bài:**

a. Hướng dẫn HS sửa lỗi.

- GV giao việc: Các em đọc kỹ lời nhận xét, viết vào phiếu học tập các loại lỗi và sửa lại cho đúng những lỗi sai. Sau đó, các em nhớ đổi phiếu cho bạn bên cạnh để soát lại lỗi, việc sửa lỗi.

b. Hướng dẫn chữa lỗi chung.

- Cho HS lên bảng chữa lỗi.

- GV dán lên bảng tờ giấy đã viết một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu, về ý.

- GV nhận xét và chữa lại cho đúng bằng phấn màu.

### **HD3: Học tập đoạn văn, bài văn hay:**

- GV đọc một số đoạn, bài văn hay.

\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận ra được lỗi của mình.

**3. HD ứng dụng (1p)**

**4. HD sáng tạo (1p)**

- HS lắng nghe

- HS nhận bài và đọc lại bài

- HS tự sửa lỗi, đôi tập sửa lỗi cho bạn.

- Một số HS lên chữa lỗi trên bảng, cả lớp chữa trên giấy nháp.

- Lớp trao đổi và nhận xét.

- HS chép bài chữa đúng vào vở.

- HS trao đổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV để tìm ra cái hay, cái đẹp của câu văn, đoạn văn.

- HS rút kinh nghiệm cho mình khi làm bài.

- Chữa các lỗi sai

- Viết lại các đoạn văn chưa ưng ý cho hay hơn

## **ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.....

.....

.....

---

---

**KHOA HỌC (VNEN)**

**ÂM THANH (T2)**

.....

.....

.....

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**SỰ LAN TRUYỀN ÂM THANH (PP BTNB)**

**1. Kiến thức**

- Biết âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, lỏng, qua không khí.

**2. Kỹ năng**

- Thực hành được thí nghiệm để tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh

- Nêu ví dụ về âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, chất lỏng, chất khí.

**3. Thái độ**

- Ham thích tìm tòi và khám phá khoa học

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

**GD BVMT:** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh vẽ minh họa.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: 2 ống bơ (lon); vài vụn giấy; 2 miếng ni lông; dây chun; một sợi dây mềm (bằng sợi gai, bằng đồng,...); trống; đồng hồ, túi ni lông (để bọc đồng hồ), chậu nước.

**2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

<b>Hoạt động của giáo viên</b>	<b>Hoạt động của của học sinh</b>
<p><b>1, Khởi động (4p)</b></p> <p>+ Âm thanh được tạo thành như thế nào? + VD để chứng tỏ âm thanh do các vật rung động phát ra.</p> <p>- GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới.</p>	<p>- TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: <b>Hộp quà bí mật</b></p> <p>+ Âm thanh do các vật rung động phát ra</p> <p>+ Gõ trống phát ra âm thanh vì bề mặt trống bị rung lên</p>
<p><b>2. Bài mới: (30p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Biết âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, lỏng, qua không khí.</p> <p>- Thực hành được thí nghiệm để tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh</p>	

---

---

- Nêu ví dụ về âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, chất lỏng, chất khí.

**\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp**

**HĐ1:Giới thiệu bài**

Tai ta nghe được âm thanh là do âm thanh truyền qua nhiều môi trường và truyền đến tai ta. Vậy các em có muốn biết âm thanh truyền qua những môi trường nào không? ...

**HĐ2:Tiến trình đề xuất:**

**Bước1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**

- Âm thanh có ở xung quanh các em, theo các em, âm thanh lan truyền được qua những môi trường nào?

**Bước 2: Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:**

- GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học .

- GV cho HS đính phiếu lên bảng
- GV gọi nhóm 1 nêu kết quả của nhóm mình.
- GV yêu cầu các nhóm còn lại nêu những điểm khác biệt của nhóm mình so với nhóm đó.

**Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi:**

- GV giúp các em đề xuất câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu bài học.

- GV tổng hợp câu hỏi của các nhóm và chốt các câu hỏi chính:

+ *Âm thanh truyền được qua chất rắn, chất lỏng, không khí hay không?*

+ *Âm thanh yếu đi hay mạnh lên khi khoảng cách đến nguồn âm xa hơn?*

- GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi

- Lắng nghe

- HS suy nghĩ

- HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép :**Chẳng hạn:**  
+ Âm thanh truyền được qua cửa sổ.  
+ Âm thanh truyền được qua bàn ghế, cửa, nền nhà....

+ Ở gần nghe âm thanh to...

- HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.

- HS so sánh sự khác nhau của các ý kiến ban đầu

- Chẳng hạn: HS đề xuất các phương án

+ Làm thí nghiệm ; Quan sát thực tế.

+ Hỏi người lớn; Tra cứu trên mạng

- GV chốt phương án: Làm thí nghiệm  
**Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi:**

*\* Trả lời câu hỏi Âm thanh truyền được qua không khí không*, theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào?

- HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu.

+ *Từ thí nghiệm trên chúng tỏ điều gì?*  
GV tiểu kết.

*\* Trả lời câu hỏi Âm thanh truyền được qua chất rắn không*, theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào?

- HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu.

+ *Từ thí nghiệm trên chúng tỏ điều gì?*

*\* Trả lời câu hỏi: Âm thanh yếu đi hay mạnh lên khi khoảng cách đến nguồn âm xa hơn.*

### **Bước 5: Kết luận kiến thức:**

- GV cho HS đính phiếu kết quả sau quá trình làm thí nghiệm.

- GV rút ra tổng kết.

\* Kết luận, rút ra bài học

### **3. HĐ ứng dụng (1p)**

- Lấy VD về âm thanh bị yếu đi khi lan truyền ra xa

*\* GDBVMT: Âm thanh rất cần cho cuộc sống của con người nhưng cần tạo ra những âm thanh có cường độ vừa phải để không làm ô nhiễm môi trường, tạo không khí thoải mái để làm việc và học tập*

### **4. HĐ sáng tạo (1p)**

v.v..

- Một số HS nêu cách thí nghiệm, nếu chưa khoa học hay không thực hiện được GV có thể điều chỉnh.

- HS tiến hành làm thí nghiệm như hình 1, trang 48 (SGK), HS thống nhất trong nhóm tự rút ra kết luận, ghi chép vào phiếu.

+ *Âm thanh truyền được qua không khí.*

- Các nhóm làm thí nghiệm: Áp một tai xuống bàn, bịt tai kia lại, sau đó gõ thước vào hộp bút trên mặt bàn sẽ nghe được âm thanh... và đưa ra kết luận: *Âm thanh truyền qua chất rắn*

- HS làm thí nghiệm H2 – trang 85

+ *Âm thanh truyền được qua chất lỏng.*

- HS làm thí nghiệm: Một bạn đứng đầu lớp nói một câu và cho 2 bạn: 1 bạn đứng gần, 1 bạn đứng xa. Nhận xét về âm thanh nghe được và kết luận: *Âm thanh lan truyền đi xa sẽ yếu đi.*

- HS đính phiếu – nêu kết quả làm việc

- HS so sánh kết quả với dự đoán ban đầu.

- HS nối tiếp nêu VD

- HS liên hệ

- Trò chơi "Nói chuyện điện thoại"

Thứ sáu ngày 24 tháng 1 năm 2019

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ: AI THẾ NÀO?

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- HS nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

##### **2. Kỹ năng**

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào? Theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III).

##### **3. Thái độ**

- Có ý thức đặt câu và viết câu đúng.

##### **4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy khổ to viết 6 câu kể Ai thế nào? Trong đoạn văn ở phần nhận xét; 1 tờ phiếu ghi lời giải câu hỏi 3.

+1 tờ giấy khổ to viết 5 câu kể Ai thế nào? Trong đoạn văn ở BT, phần luyện tập.

- HS: Vở BT, bút, ..

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động (5p)</b> + Đặt 1 câu kể Ai thế nào? + Xác định 2 bộ phận của câu kể đó - Dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét
<b>2. Hình thành KT (15p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> HS nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ). * <b>Cách tiến hành:</b>	
<i>a. Phần nhận xét</i> <u>Bài tập 1 + 2:</u> Đọc và tìm câu kể Ai thế nào?  - GV giao việc: Các em có nhiệm vụ tìm các câu kể <i>Ai thế nào?</i> Có trong đoạn văn.	<b>Nhóm 2- Lớp</b> - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe. - HS đọc thầm đoạn văn và đánh thứ tự câu. - HS làm việc nhóm 2 xác định câu kể Ai thế nào? và chia sẻ trước lớp.

<p>- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Trong đoạn văn có các câu kể <b><i>Ai thế nào?</i></b> Là câu 1, 2, 4, 6, 7. <b>Bài tập 3:</b> Xác định CN và VN trong câu ...</p> <p>- Cho HS làm bài. GV dán lên bảng các câu văn đã chuẩn bị trước.</p> <p>- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.</p> <p><b>Bài tập 4:</b> Vị ngữ trong các câu trên biểu thị nội dung..</p> <p>- Cho HS trình bày kết quả bài làm.</p> <p>- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng. GV đưa bảng phụ (băng giấy) đã ghi sẵn lời giải đúng.</p> <p>- Chốt lại nội dung bài học. <b>*Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p>+ Về đêm, <i>cánh vật thật im lìm.</i> + <i>Sông thổi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều</i> + <i>Ông Ba trầm ngâm.</i> + <i>Trái lại, ông Sáu rất sôi nổi.</i> + <i>Ông hệt như Thần Thổ Địa của vùng này.</i></p> <p>- HS đọc ghi nhớ.</p>
<p><b>3. HĐ thực hành (18p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào.HS đặt được câu kể Ai thế nào? Tả cây hoa yêu thích.</p> <p>* <b>Cách tiến hành</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b> Đọc và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p>- Nhận xét, kết luận lời giải đúng.</p> <p>+ <i>VN của các câu do từ loại nào tạo thành?</i></p> <p><b>Bài 2:</b> Đặt 3 câu kể Ai thế nào? mỗi câu tả một loài hoa.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p>- Nhận xét, khen/ động viên.</p> <p>- GV cùng HS chữa các câu đặt cho</p>	<p style="text-align: center;"><b>- Cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p>Đ/a:</p> <p>a) Tất cả các câu trong đoạn văn đều là câu kể <b><i>Ai thế nào?</i></b></p> <p>b) Vị ngữ của các câu trên và những từ ngữ tạo thành là:</p> <p>- <i>Cánh đại bàng rất khỏe</i> - <i>Mỏ đại bàng dài và cứng</i> - <i>Đôi chân của nó giống như cái móc hàng của cần cẩu</i> - <i>Đại bàng rất ít bay</i> - <i>Khi chạy trên mặt đất, nó giống như một con ngỗng cụ nhưng nhanh nhẹn hơn nhiều</i></p> <p>+ <i>Do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành</i></p> <p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV. VD: + Hoa huệ trắng muốt như tuyết + Hoa đào sắc phơn phớt hồng</p>



HS	
<b>4. HD ứng dụng (1p)</b>	- Ghi nhớ cách xác định VN trong câu kể Ai thế nào?
<b>5. HD sáng tạo (1p)</b>	- Liên kết các câu ở bài tập 2 thành đoạn văn.

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

## TOÁN

### *Tiết 105: LUYỆN TẬP*

#### I. MỤC TIÊU

##### **1. Kiến thức**

- Củng cố KT về quy đồng MS các phân số.

##### **2. Kỹ năng**

- Thực hiện quy đồng được MS các PS theo các cách đã học

##### **3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

##### **4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a), bài 4. HSNK làm tất cả bài tập

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động: (3p)</b>  - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
<b>2. HD thực hành (30p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> Thực hiện quy đồng MS các PS theo các cách đã học * <b>Cách tiến hành</b>	
<i><b>Bài 1a. HSNK làm cả bài</b></i> - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - GV chốt đáp án.	<b>Cá nhân- Nhóm 2 - Lớp</b>  <u>Đáp án:</u>

- Cùng cố cách QĐMS các phân số.

*\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 biết cách chọn MSC trong từng phần*

**Bài 2a: HS năng khiếu hoàn thành cả bài.**

- GV yêu cầu HS viết 2 thành phân số có mẫu số là 1.

- GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số hai phân số  $\frac{3}{5}$  và  $\frac{2}{1}$  thành 2 phân số có cùng mẫu số là 5.

- GV chữa bài và chốt đáp án.

*\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2*

**Bài 4:**

- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.

- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS

- GV chữa bài

**Bài 3 + Bài 5 (bài tập chò dành cho HS hoàn thành sớm)**

a)  $\frac{1}{6}$  và  $\frac{4}{5}$ ; MSC: 30

$$\frac{1}{6} = \frac{1 \times 5}{6 \times 5} = \frac{5}{30} \quad \frac{4}{5} = \frac{4 \times 6}{5 \times 6} = \frac{24}{30}$$

$\frac{11}{49}$  và  $\frac{8}{7}$  MSC: 49 vì  $49 : 7 = 7$  ;

$$\frac{8}{7} = \frac{8 \times 7}{7 \times 7} = \frac{56}{49} \text{ giữ nguyên PS } \frac{11}{49}$$

$\frac{12}{5}$  và  $\frac{5}{9}$  MSC: 45

$$\frac{12}{5} = \frac{12 \times 9}{5 \times 9} = \frac{108}{45} \quad \frac{5}{9} = \frac{5 \times 5}{9 \times 5} = \frac{25}{45}$$

**HS thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp**

- HS viết  $\frac{2}{1}$  .

- Đáp án:  $\frac{2}{1} = \frac{2 \times 5}{1 \times 5} = \frac{10}{5}$  ; Giữ nguyên PS  $\frac{3}{5}$

**Cá nhân – Chia sẻ lớp**

\* Quy đồng mẫu  $\frac{7}{12}$ ;  $\frac{23}{30}$  với MSC là 60.

Đáp án

+ Nhẩm 60:  $12 = 5$  ;  $60 : 30 = 2$ .

$\frac{7}{12}$ ;  $\frac{23}{30}$  với MSC là 60 ta được:

$$\frac{7}{12} = \frac{7 \times 5}{12 \times 5} = \frac{35}{60} ; \frac{23}{30} = \frac{23 \times 2}{30 \times 2} = \frac{46}{60}$$

- HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp

Đáp án:

Bài 3:

a)  $\frac{1}{3}$ ;  $\frac{1}{4}$  và  $\frac{4}{5}$

Ta có:

$$\frac{1}{3} = \frac{1 \times 4 \times 5}{3 \times 4 \times 5} = \frac{20}{60} ; \frac{1}{4} = \frac{1 \times 3 \times 5}{4 \times 3 \times 5} = \frac{15}{60} ; \frac{4}{5} = \frac{4 \times 3 \times 4}{5 \times 3 \times 4} = \frac{48}{60}$$

4. HD ứng dụng (1p)  
5. HD sáng tạo (1p)

b)  $\frac{1}{2}; \frac{2}{3}$  và  $\frac{3}{4}$

Ta có:

$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3 \times 4}{2 \times 3 \times 4} = \frac{12}{24}; \frac{2}{3} = \frac{2 \times 2 \times 4}{3 \times 2 \times 4} = \frac{16}{24}; \frac{3}{4} = \frac{3 \times 2 \times 3}{4 \times 2 \times 3} = \frac{18}{24}$$

Bài 5:

b)  $\frac{4 \times 5 \times 6}{12 \times 15 \times 9} = \frac{2 \times 2 \times 5 \times 6}{6 \times 2 \times 5 \times 3 \times 9} = \frac{2}{3 \times 9} = \frac{2}{27}$

c)  $\frac{6 \times 8 \times 11}{33 \times 16} = \frac{3 \times 2 \times 8 \times 11}{11 \times 3 \times 8 \times 2} = 1$

- Chữa lại các phần bài tập làm sai
- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải

## ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

## TẬP LÀM VĂN CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

### I. MỤC TIÊU:

#### 1. Kiến thức

- Nắm được cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).

#### 2. Kỹ năng

- Nhận biết được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối (BT1, mục III); biết lập dàn ý tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đã học (BT2).

#### 3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài.

#### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

*\*GD BVMT: Nhận xét trình tự miêu tả. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp của cây cối trong môi trường thiên nhiên.*

### II. CHUẨN BỊ:

#### 1. Đồ dùng

- GV: + Tranh ảnh một số cây ăn quả.  
+ Bảng phụ ghi lời giải BT 1, 2 (phần nhận xét).
- HS: Sách, bút

#### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.